

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 17/04/2023

V/v: Tranh chấp Ly hôn, con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Huy Phương; ông Lê Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: ông Trịnh Minh Chử - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐ XXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Quách Văn U, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Ch Lê Thị Q, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Quách Văn U trình bày: Anh và chị Lê Thị Q được tự do tìm hiểu yêu thương nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 26/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2016, chị Q và bố mẹ chị Q ngỏ ý muốn vợ chồng anh vào ở trên mảnh đất của bố mẹ chị Q cho tại thôn P, xã C nhưng anh không nhất trí vì không thuận lợi cho công việc của anh và việc học hành của con cái, vợ chồng chưa tìm được phương án giải quyết phù hợp nhất thì đến ngày 21/5/2021, chị Q mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và làm nhà ở riêng từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị được ly hôn chị Q; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Quách Huyền Tr, sinh ngày 23/10/2016 và cháu Quách Đức A, sinh ngày 19/8/2021. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Quách Huyền Tr,

chị Q trực tiếp nuôi cháu Đức A, từ thời điểm vợ chồng ly thân năm 2021, cháu Tr về ở với mẹ nhưng anh vẫn thường xuyên qua lại đưa đón các con về bên nội chơi, đưa cháu Tr đi khám bệnh lấy thuốc, hiện nay anh là cán bộ Ủy ban nhân dân xã Th có thu nhập ổn định tính theo lương là 6.464.000đ, chị Q làm quá nhiều công việc nên không có nhiều thời gian để chăm sóc con; Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chLê Thị Q trình bày: Về thời gian kết hôn chị nhất trí theo ý kiến của anh U. Về nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly thân là do điều kiện kinh tế khó khăn, anh U và chị trước đây đều là cán bộ Ủy ban nhân dân xã, nhưng thu nhập thấp chị nghỉ ở nhà, vợ chồng bàn nhau thuê quán bán hàng, nhận thầu đất để sản xuất nhưng thất bại nên bố mẹ chị mới tạo điều kiện cho vợ chồng một mảnh đất ở xã C để làm nhà và cho đất nông nghiệp, lâm nghiệp để sản xuất, buôn bán. Vợ chồng bàn bạc thảo luận nhưng không đi đến thống nhất, anh U không nhất trí về xã C làm nhà ở và sinh sống, nên từ tháng 5/2021, chị và cháu Tr về C làm nhà ở từ đó đến nay. Nay anh U xin ly hôn chị nhất trí; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Huyền Tr, sinh ngày 23/10/2016 và cháu Quách Đức A, sinh ngày 19/8/2021. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Tr bị bệnh động kinh từ năm 2020, chị và anh U đã đưa cháu đi bệnh viện khám điều trị, nay cháu vẫn phải đi điều trị thuốc đông y nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr vì chỉ có người mẹ mới thực sự chăm sóc con tốt nhất; Về tài sản chung: Không có tài sản chung; Không đề nghị giải quyết.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C thì anh Quách Văn U và chLê Thị Q kết hôn năm 2016, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th. Chị Lê Thị Q có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, còn anh U hộ khẩu thường trú tại thôn Th, huyện Th. Vợ chồng mâu thuẫn thế nào chính quyền địa phương không biết vì anh chị không báo cáo chính quyền.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 55; 57; 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Quách Văn U và chLê Thị Q; Về con chung: Đề nghị giao cháu Quách Huyền Tr cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quách Đức A cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: Vợ chồng không đề nghị giải quyết nên không xem xét; Về án phí: anh U phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Quách Văn U có hộ khẩu thường trú xã Th, huyện Th làm đơn xin ly hôn chị Lê Thị Q có hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Anh Quách Văn U và chị Lê Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân nhau từ năm 2021. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đều thống nhất thuận tình ly hôn, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh U và chị Q.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung: Cháu Quách Huyền Tr, sinh ngày 23/10/2016 và cháu Quách Đức A, sinh ngày 19/8/2021. Anh U và chị Q đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét điều kiện của từng người thì thấy rằng: Anh U có thu nhập là lương ổn định, ngày 15/02/2023, Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th xác nhận *“anh Quách Văn U hiện đang sống chung nhà với bố mẹ tại Thôn M, xã Th. Nhà ở của gia đình anh U cách trung tâm xã 400m đảm bảo tốt về điện, đường, trường trạm”*. Chị Q trình bày chị đã có nhà riêng, chị làm nhiều nghề như bán hàng chung với em gái trên xã C (cách nhà khoảng 20 km) ngoài ra chị còn nuôi bò, trồng cây lâm nghiệp, nông nghiệp, bán hàng online đủ điều kiện vật chất và tinh thần để nuôi cả hai con không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cả hai anh chị có đủ điều kiện và đều có trách nhiệm với con, do vậy giao cháu Quách Huyền Tr cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Đức A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Quách Văn U phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Quách Văn U và chLê Thị Q.

Về con chung: Giao cháu Quách Huyền Tr sinh ngày 23/10/2016 cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, giao cháu Quách Đức A sinh ngày 19/8/2021 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh U và chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Quách Văn U và chLê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh U phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010401, ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh U đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Anh Quách Văn Uyên, chLê Thị Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND xã Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Lê Thị Thanh

